

Điều 43

Chánh án, các phó chánh án và thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu theo sự giới thiệu của chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân.

Các hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu theo sự giới thiệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở địa phương.

Điều 44

Các hội thẩm nhân dân có nhiệm vụ tham gia công tác xét xử của Tòa án nhân dân.

Các cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã và đoàn thể nhân dân có người được bầu làm hội thẩm nhân dân phải tạo điều kiện cho hội thẩm nhân dân làm nhiệm vụ tại Tòa án.

Các hội thẩm nhân dân được bồi dưỡng về nghiệp vụ và được hưởng phụ cấp khi tham gia công tác xét xử.

Điều 45

Biên chế của Tòa án nhân dân tối cao do chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định và trình Hội đồng Nhà nước phê chuẩn.

Tổng số biên chế của các Tòa án nhân dân địa phương do bộ trưởng Bộ Tư pháp trình Hội đồng bộ trưởng quyết định.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biên chế cho từng Tòa án nhân dân địa phương.

Chương IV**ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG****Điều 46**

Luật này thay thế các văn bản pháp luật đã ban hành trước đây về tổ chức Tòa án nhân dân.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII, kỳ họp thứ nhất, thông qua ngày 3 tháng 7 năm 1981.

Chủ tịch Quốc hội
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
NGUYỄN HỮU THỌ

LUẬT**tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.**

Căn cứ vào điều 83 của Hiến pháp về nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội;

Căn cứ vào điều 127 và các điều từ 138 đến 141 của Hiến pháp về nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân;

Luật này quy định về tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

09654070
 LawSoft * Tel: +84-8-3845 668
 www.ThuVienPhapLuat.com

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các bộ và cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức xã hội và đơn vị vũ trang nhân dân, các nhân viên Nhà nước và công dân, thực hành quyền công tố, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Điều 2

Trong phạm vi chức năng của mình, các Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sự tôn trọng tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân.

Mọi hành động xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tập thể và quyền lợi chính đáng của công dân đều phải được xử lý theo pháp luật.

Điều 3

Các Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố bằng những công tác dưới đây:

1. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các văn bản pháp quy và biện pháp của các bộ và cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức xã hội và đơn vị vũ trang nhân dân; kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hành vi của các nhân viên Nhà nước và công dân;

2. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra của cơ quan công an và các cơ quan điều tra khác;

3. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử của Tòa án nhân dân;

4. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc chấp hành các bản án và quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật;

5. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giam, giữ và cải tạo.

Điều 4

Trong phạm vi nhiệm vụ của mình, các Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm cùng các cơ quan công an, thanh tra, tư pháp, tòa án, các cơ quan khác của Nhà nước và các tổ chức xã hội tích cực đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các việc làm vi phạm pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân phối hợp với các cơ quan và tổ chức nói trên trong việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật; xây dựng pháp luật; thống kê, nghiên cứu các tội phạm và việc làm vi phạm pháp luật; đào tạo cán bộ pháp lý.

Điều 5

1. Các Viện kiểm sát nhân dân tổ chức và hoạt động theo chế độ tập trung, thống nhất lãnh đạo trong ngành, không lệ thuộc vào bất cứ cơ quan nào của Nhà nước ở địa phương.

2. Viện kiểm sát nhân dân do viện trưởng lãnh đạo.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo của viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp trên; viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các địa phương chịu sự lãnh đạo thống nhất của viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Viện trưởng, các phó viện trưởng và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân địa phương do viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm và bãi miễn.

Các phó viện trưởng và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Hội đồng Nhà nước cử và bãi miễn, theo đề nghị của viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, do Quốc hội bầu ra trong số các đại biểu Quốc hội, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng Nhà nước.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền trình Quốc hội và Hội đồng Nhà nước các dự án luật, dự án pháp lệnh về những vấn đề thuộc phạm vi công tác kiểm sát.

Chương II

CÔNG TÁC KIỂM SÁT CHUNG

Điều 6

Các Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các văn bản pháp quy và biện pháp của các bộ và cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức xã hội và đơn vị vũ trang nhân dân, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hành vi của các nhân viên Nhà nước và công dân, nhằm bảo đảm cho các văn bản pháp quy, biện pháp và hành vi đó phù hợp với hiến pháp, pháp luật, các nghị quyết của Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, các nghị quyết, nghị định, quyết định, chỉ thị, thông tư của Hội đồng bộ trưởng.

Điều 7

Khi thực hiện công tác kiểm sát chung, các Viện kiểm sát nhân dân có quyền:

1. Yêu cầu các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân cùng cấp và cấp dưới, các đơn vị cơ sở trực thuộc cấp trên đóng tại địa phương:

a) Cung cấp cho Viện kiểm sát nhân dân các văn bản pháp quy và tài liệu khác cần thiết cho việc xác định việc làm vi phạm pháp luật;

b) Thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân biết các việc làm xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tập thể và quyền lợi chính đáng của công dân đã xảy ra trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và kết quả việc xử lý những việc làm đó;

c) Kiểm tra việc làm vi phạm pháp luật của đơn vị cấp dưới và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát nhân dân biết;

d) Cử chuyên viên để làm rõ các vấn đề cần thiết thuộc phạm vi trách nhiệm của mình;

2. Yêu cầu cơ quan thanh tra cùng cấp thanh tra việc làm vi phạm pháp luật và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát nhân dân biết;

3. Yêu cầu nhân viên Nhà nước, quân nhân và công dân trả lời về việc làm vi phạm pháp luật có liên quan đến họ;

4. Kiểm sát tại chỗ việc tuân theo pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nói ở điểm 1 điều này trong việc áp dụng các biện pháp quản lý và xử lý hành chính, giải quyết khiếu nại và tố cáo của nhân dân, khi thấy có vi phạm pháp luật; triệu tập hoặc tham dự hội nghị bàn về những việc làm vi phạm pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đó khi thấy cần thiết;

5. Kiến nghị hoặc kháng nghị với các cơ quan, tổ chức và đơn vị nói ở điểm 1 điều này, yêu cầu sửa đổi, bãi bỏ hoặc đình chỉ các văn bản, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật, loại trừ những nguyên nhân gây ra các việc làm vi phạm pháp luật, xử lý người chịu trách nhiệm về những việc làm đó. Trong trường hợp cần thiết thì khởi tố về hình sự hoặc dân sự và áp dụng các biện pháp thích đáng để bảo đảm việc bồi thường cho người bị thiệt hại do việc làm vi phạm pháp luật gây ra.

Điều 8

Đối với các yêu cầu nói trong các điểm 1, 2, 3 điều 7, cơ quan, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc người hữu quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh trong thời hạn chậm nhất là ba mươi ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong trường hợp đặc biệt cần có thời hạn dài hơn thì phải được sự đồng ý của Viện kiểm sát nhân dân.

Đối với kiến nghị, kháng nghị nói trong điểm 5, điều 7, cơ quan, tổ chức xã hội, đơn vị hữu quan có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời trong thời hạn chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, kháng nghị. Nếu đồng ý thì nói rõ những việc đã làm, đang làm hoặc sẽ làm để thực hiện yêu cầu nêu trong kiến nghị, kháng nghị. Nếu không đồng ý thì nói rõ lý do.

Trong trường hợp một cơ quan cấp trên nhận được kiến nghị, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân đối với cơ quan cấp dưới của mình thì thời hạn trả lời là ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, kháng nghị.

Chương III

CÔNG TÁC KIỂM SÁT ĐIỀU TRA

Điều 9

Các Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra của cơ quan công an và các cơ quan điều tra khác, nhằm bảo đảm:

1. Mọi hành vi phạm tội đều phải được điều tra để xử lý theo pháp luật, không để lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội;

2. Không để một người nào bị bắt, bị tạm giam, bị hạn chế các quyền công dân, bị xâm phạm tính mạng, tài sản, danh dự và nhân phẩm một cách trái pháp luật;

3. Việc khởi tố và điều tra phải theo đúng quy định của pháp luật. Trong việc điều tra phải thu thập cả chứng cứ kết tội và chứng cứ gỡ tội, phải làm rõ những tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm của bị can và tìm ra những nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm;

4. Việc truy cứu trách nhiệm phải có đủ căn cứ và phải bảo đảm tính hợp pháp.

Điều 10

Khi thực hiện công tác kiểm sát điều tra, các Viện kiểm sát nhân dân có quyền:

1. Kiểm sát việc khởi tố hình sự của cơ quan điều tra, khởi tố hình sự và chuyển vụ án đến cơ quan điều tra để yêu cầu tiến hành điều tra. Trong trường hợp do pháp luật quy định thì Viện kiểm sát nhân dân trực tiếp điều tra;

2. Phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các lệnh bắt, tạm giam, gia hạn tạm giam, tha, tạm tha, khám xét và các biện pháp khác do luật định của cơ quan điều tra; ra các quyết định bắt, tạm giam, gia hạn tạm giam, tha, tạm tha, khám xét, thu giữ tang vật, và chuyển đến cơ quan điều tra để yêu cầu thi hành; yêu cầu cơ quan điều tra truy nã bị can đang trốn tránh;

3. Đề ra yêu cầu điều tra, trả lại hồ sơ vụ án khi thấy chứng cứ chưa đầy đủ và yêu cầu điều tra bổ sung để cơ quan điều tra tiến hành điều tra; yêu cầu cơ quan điều tra cung cấp những tài liệu cần thiết về tội phạm và việc làm vi phạm pháp luật, thông báo tình hình phạm pháp đã xảy ra;

4. Kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, việc hỏi cung bị can hoặc các việc khác trong công tác điều tra của cơ quan điều tra, trực tiếp hỏi cung bị can, khi thấy cần thiết;

5. Quyết định truy tố hoặc miễn tố, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ điều tra, di lý vụ án, hủy bỏ các quyết định thiếu căn cứ hoặc trái pháp luật của cơ quan điều tra. Trong trường hợp quyết định truy tố thì Viện kiểm sát nhân dân làm cáo trạng;

6. Yêu cầu cơ quan điều tra thay đổi nhân viên điều tra đã vi phạm pháp luật trong khi tiến hành điều tra; sửa chữa việc làm vi phạm pháp luật trong công tác điều tra. Trong trường hợp nhân viên điều tra phạm tội trong công tác điều tra thì truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 11

Các cơ quan điều tra và nhân viên điều tra hữu quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu và quyết định của Viện kiểm sát nhân dân nói trong điều 10. Trong trường hợp không nhất trí với các yêu cầu và quyết định của Viện kiểm sát nhân dân nói trong các điểm 2, 5, 6 điều 10 thì vẫn phải chấp hành, nhưng có quyền yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân trên một cấp xét và quyết định.

Chương IV

CÔNG TÁC KIỂM SÁT XÉT XỬ

Điều 12

Các Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử các vụ án, nhằm bảo đảm việc xét xử của các Tòa án nhân dân đúng pháp luật, nghiêm minh, kịp thời.

Điều 13

Khi thực hiện công tác kiểm sát xét xử, các Viện kiểm sát nhân dân có quyền:

1. Tham dự việc trú bị phiên tòa của Tòa án nhân dân cùng cấp;
2. Tham gia tố tụng tại phiên tòa của Tòa án nhân dân cùng cấp; trong phiên tòa hình sự, kiểm sát viên đọc cáo trạng và luận tội;
3. Yêu cầu Tòa án nhân dân cùng cấp chuyển hồ sơ những vụ án cần thiết cho công tác kiểm sát xét xử;
4. Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm các bản án và quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cùng cấp và dưới một cấp, khi thấy có vi phạm pháp luật;
5. Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm các bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp dưới, khi thấy có vi phạm pháp luật;
6. Khởi tố hoặc yêu cầu cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và đơn vị vũ trang nhân dân cùng cấp khởi tố những vụ án dân sự quan trọng có liên quan đến lợi ích của Nhà nước, của tập thể và quyền lợi chính đáng của công dân.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị các bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân các cấp theo thủ tục giám đốc thẩm khi thấy có vi phạm pháp luật hoặc theo thủ tục tái thẩm khi thấy có tình tiết mới.

Điều 14

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng thẩm phán và Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao bàn về việc hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong công tác xét xử.

Trong trường hợp viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao không nhất trí với nghị quyết của Hội đồng thẩm phán hoặc Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì báo cáo lên Hội đồng Nhà nước xét và quyết định.

2. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương có quyền tham dự các cuộc họp của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cùng cấp bàn về việc áp dụng pháp luật trong công tác xét xử.

Trong trường hợp viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương không nhất trí với nghị quyết của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cùng cấp thì báo cáo lên viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Chương V**CÔNG TÁC KIỂM SÁT CHẤP HÀNH ÁN****Điều 15**

Các Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan, đơn vị và người hữu quan trong việc chấp hành các bản án và quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật, nhằm bảo đảm các bản án và quyết định đó được chấp hành đúng pháp luật, đầy đủ, kịp thời.

Điều 16

Khi thực hiện công tác kiểm sát chấp hành án, các Viện kiểm sát nhân dân có quyền:

1. Yêu cầu cơ quan chấp hành án và đơn vị hữu quan:

a) Tự kiểm tra việc chấp hành các bản án và quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật và thông báo kết quả kiểm tra cho Viện kiểm sát nhân dân biết;

b) Cung cấp những tài liệu, văn bản hoặc xuất trình các hồ sơ, sổ sách, giấy tờ có liên quan đến việc chấp hành án;

c) Chấp hành các bản án và quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật mà chưa được chấp hành.

2. Kiểm sát tại chỗ việc tuân theo pháp luật của các cơ quan, đơn vị và người hữu quan trong việc chấp hành các bản án và quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật; kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan, đơn vị đó trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân đối với việc chấp hành án.

3. Kiến nghị hoặc kháng nghị với các cơ quan, đơn vị hữu quan, yêu cầu sửa đổi, bãi bỏ hoặc đình chỉ những văn bản, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc chấp hành án; xử lý hành chính người chịu trách nhiệm về việc làm vi phạm pháp luật đó.

Trong trường hợp cần thiết thì khởi tố dân sự hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 17

Các cơ quan, đơn vị hữu quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu nói ở điểm 1, điều 16 trong thời hạn chậm nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Đối với các kiến nghị, kháng nghị nói ở điểm 3, điều 16, cơ quan, đơn vị hữu quan có trách nhiệm xem xét và trả lời trong thời hạn chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, kháng nghị.

Trong trường hợp đặc biệt cần có thời hạn dài hơn thì phải được sự đồng ý của Viện kiểm sát nhân dân.

Nếu không nhất trí thì phải báo cho Viện kiểm sát nhân dân biết rõ lý do.

Chương VI**CÔNG TÁC KIỂM SÁT GIAM, GIỮ VÀ CẢI TẠO****Điều 18**

Các Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trong các việc giam, giữ và cải tạo, nhằm bảo đảm:

1. Các việc giam, giữ và cải tạo theo đúng thủ tục pháp luật và có căn cứ;

2. Các chế độ giam, giữ và cải tạo được chấp hành nghiêm chỉnh;

3. Tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm và các quyền khác của đương sự không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng.

Điều 19

Khi thực hiện công tác kiểm sát giam, giữ và cải tạo, các Viện kiểm sát nhân dân có quyền:

1. Thường kỳ và bất thường kiểm sát tại chỗ các nơi giam, giữ và cải tạo;
2. Xem xét các sổ sách, hồ sơ, tài liệu của cơ quan cùng cấp và cấp dưới về việc giam, giữ và cải tạo;
3. Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo của các đương sự; trực tiếp lấy lời khai báo của họ;
4. Yêu cầu cơ quan cùng cấp quản lý các nơi giam, giữ, cải tạo kiểm tra những nơi đó và thông báo kết quả kiểm tra cho Viện kiểm sát nhân dân biết;
5. Yêu cầu cơ quan cùng cấp, cấp dưới và người có trách nhiệm trả lời về văn bản, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc giam, giữ và cải tạo;
6. Quyết định việc trả tự do cho người bị giam, giữ và cải tạo không có căn cứ và trái pháp luật;
7. Kiến nghị hoặc kháng nghị với cơ quan cùng cấp và cấp dưới yêu cầu sửa đổi, bãi bỏ hoặc đình chỉ các văn bản, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật và xử lý người chịu trách nhiệm về việc làm vi phạm pháp luật. Trong trường hợp nhân viên làm công tác giam, giữ và cải tạo phạm tội thì truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 20

Các cơ quan và nhân viên hữu quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu nói ở các điểm 4, 5 điều 19 và trả lời trong thời hạn chậm nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu; chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân trong thời hạn hai mươi bốn giờ đơn từ khiếu nại hoặc tố cáo của người bị giam, giữ, cải tạo.

Đối với các quyết định, kiến nghị, kháng nghị nói trong các điểm 6, 7 điều 19, cơ quan hữu quan có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời trong thời hạn chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được quyết định, kiến nghị, kháng nghị. Trong trường hợp đặc biệt cần có thời hạn dài hơn thì phải được sự đồng ý của Viện kiểm sát nhân dân.

Nếu không nhất trí với quyết định, kiến nghị, kháng nghị đó thì cơ quan và nhân viên hữu quan phải nói rõ lý do và có quyền yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân trên một cấp xét lại. Viện kiểm sát nhân dân phải xét và quyết định trong thời hạn chậm nhất là mười lăm ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Chương VII**TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN****Điều 21**

1. Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân gồm có:
 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
 - Các Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương;

- Các Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- Các Viện kiểm sát quân sự.

2. Tổ chức của Viện kiểm sát quân sự các cấp do Hội đồng Nhà nước quy định.

Điều 22

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao gồm có viện trưởng, phó viện trưởng thứ nhất, các phó viện trưởng và các kiểm sát viên.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao do viện trưởng lãnh đạo.

Các phó viện trưởng giúp viện trưởng làm nhiệm vụ.

Phó viện trưởng thứ nhất thay thế viện trưởng khi viện trưởng vắng mặt.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Ủy ban kiểm sát gồm viện trưởng, các phó viện trưởng và một số kiểm sát viên cao cấp do viện trưởng chỉ định và trình Hội đồng Nhà nước phê chuẩn.

Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân tối cao thảo luận phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch công tác kiểm sát, các dự thảo báo cáo của viện trưởng trình Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, các dự án luật, dự án pháp lệnh và các vấn đề quan trọng khác mà viện trưởng thấy cần thiết.

Trong các cuộc họp của Ủy ban kiểm sát, viện trưởng kết luận và quyết định cuối cùng. Trong trường hợp viện trưởng quyết định khác với ý kiến của đa số trong Ủy ban kiểm sát thì viện trưởng thực hiện quyết định của mình, đồng thời báo cáo lên Hội đồng Nhà nước.

3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có các vụ, viện, văn phòng và các trường đào tạo cán bộ về nghiệp vụ kiểm sát.

Điều 23

1. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương gồm có viện trưởng, phó viện trưởng thứ nhất, các phó viện trưởng và các kiểm sát viên.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương do viện trưởng lãnh đạo.

Các phó viện trưởng giúp viện trưởng làm nhiệm vụ. Phó viện trưởng thứ nhất thay thế viện trưởng khi viện trưởng vắng mặt.

2. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương có Ủy ban kiểm sát gồm viện trưởng, các phó viện trưởng và một số kiểm sát viên do viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ định theo đề nghị của viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương.

Ủy ban kiểm sát thảo luận việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch công tác, các chỉ thị, thông tư và các quyết định quan trọng khác của viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các dự thảo báo cáo quan trọng của viện trưởng lên Viện kiểm sát nhân dân tối cao và những vấn đề khác mà viện trưởng thấy cần thiết.

Trong các cuộc họp của Ủy ban kiểm sát, viện trưởng kết luận và quyết định cuối cùng. Khi viện trưởng quyết định khác với ý kiến của đa số trong Ủy ban kiểm sát thì viện trưởng thực hiện quyết định của mình, đồng thời báo cáo lên viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương có các phòng và văn phòng giúp việc.

Điều 24

1. Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có viện trưởng, phó viện trưởng, các kiểm sát viên.

Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh do viện trưởng lãnh đạo.

Phó viện trưởng giúp viện trưởng làm nhiệm vụ và thay thế viện trưởng khi viện trưởng vắng mặt.

2. Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có các bộ phận công tác do viện trưởng, phó viện trưởng và một số kiểm sát viên phụ trách, theo sự phân công của viện trưởng.

Điều 25

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao thống nhất lãnh đạo hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Viện kiểm sát nhân dân địa phương và các Viện kiểm sát quân sự.

2. Căn cứ vào Hiến pháp, pháp luật, nghị quyết của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có nhiệm vụ:

a) Đề ra phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch công tác kiểm sát và xây dựng ngành kiểm sát nhân dân về mọi mặt;

b) Ra các quyết định, chỉ thị, thông tư, điều lệ, quy chế, chế độ công tác có tính chất bắt buộc đối với tất cả các Viện kiểm sát nhân dân;

c) Chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân các cấp;

d) Chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên của Viện kiểm sát nhân dân các cấp;

đ) Quyết định bổ nhiệm, bãi miễn các chức vụ trong Viện kiểm sát nhân dân các cấp và các Viện kiểm sát quân sự, trừ các chức vụ phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

e) Quyết định bộ máy làm việc và biên chế của Viện kiểm sát nhân dân các cấp; trình Hội đồng Nhà nước phê chuẩn bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

g) Chỉ đạo các việc xây dựng dự án luật, dự án pháp lệnh liên quan đến ngành kiểm sát; tổng kết công tác kiểm sát; phối hợp với các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội trong công tác phòng ngừa và chống các tội phạm và việc làm vi phạm pháp luật; tuyên truyền, giáo dục pháp luật, xây dựng pháp luật; thống kê, nghiên cứu các tội phạm và việc làm vi phạm pháp luật; đào tạo cán bộ pháp lý.

Điều 26

1. Ngạch kiểm sát viên gồm có kiểm sát viên cao cấp, kiểm sát viên trung cấp và kiểm sát viên sơ cấp.

2. Các kiểm sát viên làm nhiệm vụ của mình theo sự phân công và ủy nhiệm của viện trưởng, dựa vào sự giúp đỡ của nhân dân và sự phối hợp với các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và đơn vị vũ trang nhân dân.

3. Có thể được bổ nhiệm làm kiểm sát viên, những công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, có phẩm chất và năng lực chính trị, pháp lý theo tiêu chuẩn do viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao định và trình Hội đồng Nhà nước phê chuẩn.

4. Quy chế ngạch kiểm sát viên, chế độ giấy chứng minh, tiền lương và phụ cấp, trang phục của kiểm sát viên do viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao định và trình Hội đồng Nhà nước phê chuẩn.

Điều 27

Các chế độ kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật của Viện kiểm sát nhân dân do viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao định và trình Hội đồng Nhà nước phê chuẩn.

Điều 28

Tổng số biên chế của Viện kiểm sát nhân dân do viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao định và trình Hội đồng Nhà nước phê chuẩn.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định biên chế của Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

Chương VIII**ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG****Điều 29**

Luật này thay thế Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 15-7-1960, Pháp lệnh ngày 16-4-1962 và Pháp lệnh ngày 15-1-1970 quy định cụ thể về tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII, kỳ họp thứ nhất, thông qua ngày 4 tháng 7 năm 1981.

Chủ tịch Quốc hội
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
NGUYỄN HỮU THỌ